TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 9 - 2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.
2. Ông Lê Văn Mỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nịnh Hồng C, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: tổ E, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1976;
Nơi cư trú: tổ E, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nịnh Hồng C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/2/1998. Hôn nhân của bà là tự nguyện. Vợ chồng bà sống hạnh phúc năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, ông N suốt ngày ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm cách hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được. Vợ chồng chúng bà đã sống ly thân từ tháng 2020 cho đến nay, sau khi ly thân ông N không quan tâm gì đến gia đình, ai sống cuộc sống của người đó. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Dương Thị Thu H, sinh ngày 24/11/1998 và Dương Thị Kim N1, sinh ngày 04/5/2010. Khi ly hôn, cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu, đối với cháu N1 hiện đang sống chung với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Dương Văn N đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông N trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Thị Thu H, sinh ngày 24/11/1998 và Dương Thị Kim N1, sinh ngày 04/5/2010. Khi ly hôn, cháu H đã

trưởng thành nên bà C không yêu cầu, đối với cháu N1 giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông N cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 1998. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà C khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông N xảy ra từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả; hiện nay đã ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông N vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông N không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà C và ông N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà C đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông N là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc

nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C, bà C được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Thị Thu H, sinh ngày 24/11/1998 và Dương Thị Kim N1, sinh ngày 04/5/2010. Ly hôn, đối với cháu H đã trưởng thành bà C không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu N1 bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cung cấp ý kiến về phần này. Hiện nay bà C có đi làm, có thu nhập, nguyện vọng của cháu N1 mong muốn được sống chung với bà C. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao cháu N1 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà C không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông N được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà C khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nịnh Hồng C khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nịnh Hồng C, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Dương Văn N.

- Về hôn nhân: Bà Nịnh Hồng C được ly hôn đối với ông Dương Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Dương Thị Kim N1, sinh ngày 04/5/2010 cho bà N2 Hồng Chăm trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông N được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nịnh Hồng C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005084 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã La Hiên, huyện Võ Nhai; Tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại